

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22/9/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2022/TLST-HN&GD ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị D; sinh năm 1993; địa chỉ: Bản D, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh Quảng Văn S; sinh năm 1992; địa chỉ: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị D và anh Quảng Văn S tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 30/01/2011 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Chúng tôi kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh S không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình, từ đó vợ chồng hay cãi nhau mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Do không chịu đựng được nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ để ở bản D, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên cho đến nay. Trong thời gian không sống chung không còn quan tâm, chia sẻ, quan tâm đến nhau. Đến nay chị D không còn tình cảm với anh S, thấy rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D ly hôn với anh Quảng Văn S.

Về con chung: Chị Lò Thị D và anh Quảng Văn S có hai con chung là cháu Quảng Thị Thu T, sinh ngày 15/11/2011 và cháu Quảng Thị Hải B, sinh ngày 14/5/2015. Chị

D hiện tại đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Sau ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 người con chung đến tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị D không yêu cầu anh Sơn cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị D đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Quảng Văn S, nhưng anh S đang đi làm thêm, khi đi làm thêm anh S cũng không thông báo với chính quyền địa phương, thông qua gia đình là ông Quảng Văn M là bố đẻ của anh Quảng Văn S cho biết: Về hôn nhân anh Quảng Văn S đồng ý ly hôn với chị D, đối với con chung đồng ý giao cả hai người con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản và nợ không có.

Tại Biên bản xác minh ngày 24/6/2022 đại diện chính quyền bản cho biết: Về hôn nhân giữa chị Lò Thị D và anh Quảng Văn S đã có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S có sử dụng ma túy. Do không thể tiếp tục chung sống với anh S nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ để không quay lại bản Vánh 3 sinh sống từ năm 2017 cho đến nay. Về con chung có 02 người con, là cháu Quảng Thị Thu T và cháu Quảng Thị Hải B. Các con chung của chị D và anh S đều được chị D nuôi dưỡng chăm sóc, nên giao các con cho chị D nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị D, cho chị Lò Thị D ly hôn với anh Quảng Văn S; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Quảng Thị Thu T, sinh ngày 15/11/2011 và cháu Quảng Thị Hải B, sinh ngày 14/5/2015 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị D không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên không đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý; sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị Doan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị D với anh Quảng Văn S thì được xác định là vụ án yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị D nộp đơn khởi kiện, anh S có nơi ĐKKHKT tại bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Lò Thị D và anh Quàng Văn S đúng theo quy định tại Điều 175; Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mở lại vào ngày 22/9/2022 chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt; còn anh S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; vì vậy Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa, việc đưa ra xét xử vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự vắng mặt và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D và anh Quàng Văn S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 30/01/2011. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị D và anh S là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo để thực hiện việc hòa giải cho các đương sự quay về đoàn tụ, nhưng HĐXX thấy rằng anh S mặc dù đã được thông báo nhưng không đến để tiến hành hòa giải cũng không có ý kiến, do đó thấy rằng anh S không có thiện chí hòa giải để quay về đoàn tụ. Để đảm bảo khách quan về giải quyết hôn nhân của chị D và anh S, Tòa án đã tiến hành xác minh thì thấy rằng: Cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh S đã có rạn nứt, nguyên nhân là do anh S sử dụng ma túy, vì không chịu đựng được nên chị D đã không còn chung sống với anh S. Do đó có thể thấy rằng, nguyên nhân dẫn đến rạn nứt giữa chị D và anh S là do anh S vi phạm nghĩa vụ vợ chồng đã nghiện ma túy, trong cuộc sống không biết cố gắng để tránh xa tệ nạn xã hội, không cố gắng rèn luyện để là tấm gương cho các con; do đó thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh S không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, nên cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị D, cho chị Lò Thị D ly hôn với anh Quàng Văn S.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Lò Thị D và anh Quàng Văn S có hai con chung là cháu Quàng Thị Thu T, sinh ngày 15/11/2011 và cháu Quàng Thị Hải B, sinh ngày 14/5/2015. Xét thấy nguyện vọng nuôi con và thực tế đương sự đang nuôi con, cũng như nguyện vọng của cháu T, cháu B; HĐXX thấy cần thiết phải cho các con có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn, để các con ổn định tâm lý học tập và phát triển. Vì vậy HĐXX thấy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; giao cháu Quàng Thị Thu T, sinh ngày 15/11/2011 và cháu Quàng Thị Hải B, sinh ngày 14/5/2015 cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng; việc không yêu cầu cấp dưỡng, HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung vì chị D cho đến nay vẫn đảm bảo nuôi dưỡng con chung, nên HĐXX không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Lò Thị D và anh Quàng Văn S, không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy chị Lò Thị D là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị D đã có đơn đề nghị miễn án phí được Ủy ban nhân dân xã xác nhận; nên chị D đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D được ly hôn với anh Quàng Văn S.
2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Quàng Thị Thu T, sinh ngày 15/11/2011 và Quàng Thị Hải B, sinh ngày 14/5/2015 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị D có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Quàng Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị D và anh Quàng Văn S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị D được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị D và anh Quàng Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Dương sự;
- UBND xã Chiềng Sinh;
- Lưu.

Lương Thị Nga